



MARKET LENS

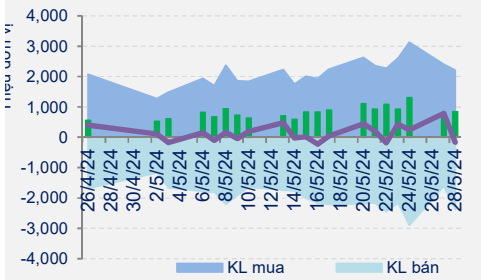
Phiên giao dịch ngày: 28/5/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

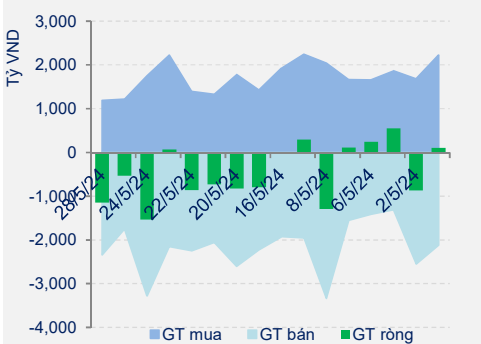
| Thông kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,281.73 | 245.58 |
| % Thay đổi | ↑ 1.11% | ↑ 1.13% |
| KLGD (CP) | 834,734,568 | 84,705,213 |
| GTGD (tỷ đồng) | 22,037.54 | 1,835.28 |
| Tổng cung (CP) | 2,369,990,679 | 137,168,400 |
| Tổng cầu (CP) | 2,206,882,143 | 128,753,200 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 74,067,525 | 1,644,803 |
| KL mua (CP) | 39,069,981 | 1,818,600 |
| GT mua (tỷ đồng) | 1,190.72 | 61.18 |
| GT bán (tỷ đồng) | 2,339.00 | 64.62 |
| GT ròng (tỷ đồng) | (1,148.28) | (3.43) |

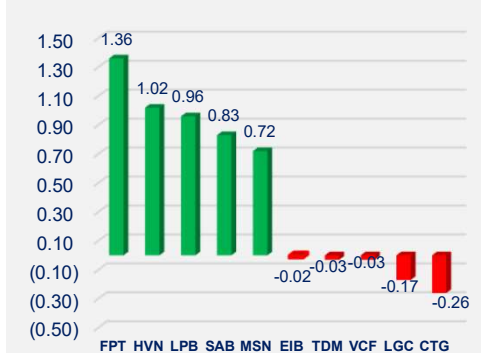
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên phục hồi tích cực hôm qua, VN-INDEX tiếp tục tăng điểm tốt trong phiên hôm nay, đầu phiên tạo khoảng trống tăng giá lên vùng 1.272 điểm, rung lắc nhẹ trong phiên và tiếp tục tăng điểm tốt trong phiên chiều với thanh khoản gia tăng tích cực. Kết phiên VN-INDEX tăng 14,05 điểm (+1,11%) lên mức 1.281,73 điểm, ngay vùng giá cao nhất phiên giảm điểm mạnh 15/04/2024, quay trở lại kiểm tra vùng giá 1.282 điểm - 1.287 điểm. HNX-INDEX tăng 2,75 điểm (+1,13%) lên mức 245,58 điểm, hướng đến vùng đỉnh giá cao nhất tháng 03/2024. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch tiếp tục tích cực với 462 mã tăng giá (23 mã tăng trần), 144 mã giảm giá (07 mã giảm sàn) và 124 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị giao dịch trên hai sàn niêm yết đạt 23.872,82 tỷ đồng, tăng 20,57% so với phiên trước, gần mức trung bình. Cho thấy thị trường đang phục hồi rất tốt sau phiên giảm mạnh với khối lượng đột biến 1,24 tỷ cổ phiếu trên VNINDEX, khi nhiều mã/nhóm mã tiếp tục tăng giá mạnh, vượt vùng đỉnh cũ. Khối ngoại tiếp tục xu hướng bán ròng mạnh trên sàn HOSE với giá trị 1.148,28 tỷ đồng, tập trung khá đột biến ở các cổ phiếu ngân hàng, thép; bán ròng trên HNX với giá trị 3,43 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý với dự thảo Thông tư quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Dự thảo đề xuất giảm tới 50% mức thu nhiều khoản phí, lệ phí trong đó có lĩnh vực chứng khoán (trừ 02 khoản phí, lệ phí quy định riêng) so với quy định trong Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28/04/2022.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng tăng giá tốt, thanh khoản gia tăng mạnh trở lại, là động lực hỗ trợ VN30 tăng điểm lên lại vùng đỉnh cũ tháng 3/2024, trong đó nổi bật nhất là LPB (+6,82%), BVB (+2,48%), HDB (+1,47%)... ngoài các mã điều chỉnh như ABB (-1,16%), CTG (-0,62%)... Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến tích cực khi thanh khoản thị trường cải thiện, nhiều mã tăng mạnh, vượt đỉnh cũ, thanh khoản đột biến, nổi bật với VDS (+6,78%), ORS (+5,30%), MBS (+4,91%), BVS (+5,75%)...

Thị trường vẫn khá tích cực khi nhiều mã/nhóm mã vẫn thu hút dòng tiền, lực cầu giá lên gia tăng mạnh, thanh khoản đột biến, tiếp tục nổi bật ở nhóm cổ phiếu điện, xây lắp điện với nhiều mã tăng giá mạnh hết biên độ, thanh khoản đột biến, vượt đỉnh giá gần nhất như HDG (+6,90%), TV2 (+6,80%), POW (+2,89%)... Các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp sau nhiều phiên biến động nhẹ cũng có diễn biến đột biến, tích cực trong phiên hôm nay, nhiều mã vượt đỉnh, thanh khoản rất đột biến như SZC (+6,95%), VGC (+4,04%), LHG (+3,53%), DTD (+3,01%)... ngoài các mã điều chỉnh ITA (-1,58%), D2D (-0,66%)...

Các cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến tích cực sau những phiên chịu áp lực điều chỉnh mạnh, đa số có diễn biến tích cực, thanh khoản gia tăng mạnh với CCL (+6,80%), HDC (+4,89%), NTL (+2,82%), IJC (+2,05%)... ngoài các mã điều chỉnh, đa số thanh khoản dưới mức trung bình như DRH (-5,34%), CSC (-2,92%), TIG (-1,38%), HPX (-0,83%)... Nhóm cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng, nhiều mã cũng có diễn biến tăng giá tích cực, vượt đỉnh gần nhất với thanh khoản đột biến như CTD (+5,47%), KSB (+2,49%), FCN (+2,35%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2406 tăng 16,3 điểm (1,28%), chênh lệch âm thu hẹp -7,25 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng 4,42%, dưới mức trung bình, khối lượng mở OI tăng. Xu hướng ngắn hạn VN30F2406 tích lũy, vượt lên vùng kháng cự ngắn hạn quanh 1.290 điểm, hỗ trợ ngắn hạn vùng 1.280 điểm, tương ứng giá trung bình MA20 phiên. Các kỳ hạn VN30F2407, VN30F2409, VN30F2412 chênh lệch từ -5,45 điểm đến -3,55 điểm so với VN30. Các mức chênh lệch thu hẹp, đảo chiều theo hướng tăng dần theo các kỳ hạn cho thấy các trader vẫn phòng ngừa rủi ro ngắn hạn với VN30, nhưng đang dần cải thiện kỳ vọng VN30 sẽ tiếp tục duy trì tăng trưởng.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


VN-INDEX sau 02 phiên phục hồi ở vùng giá 1.250 điểm, tăng điểm khá tích cực trong phiên hôm nay. Đóng cửa VN-INDEX tăng 14,05 điểm (1,11%) lên 1.281,73 điểm và nỗ lực vượt vùng giá đỉnh phiên giảm mạnh 15/04/2024.

Ngắn hạn, VN-INDEX sau khi vượt lên trên vùng kháng cự mạnh 1.250 điểm để quay trở lại kênh giá 1.250 điểm - 1.300 điểm, đang phục hồi tốt khi kiểm tra lại vùng dưới của kênh giá này. Thị trường vẫn luân phiên phục hồi với các mã/ nhóm mã chưa tăng nhiều, có vùng giá dưới hay tương đương VN-INDEX 1.250 điểm. Xu hướng trung hạn của VN-INDEX trở lại kênh tích lũy 1.250 điểm - 1.300 điểm sau nhịp giảm điểm mạnh. VN-Index đang hướng tới vùng 1.282 điểm - 1.287 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất phiên giảm điểm mạnh 15/04/2024 cũng như đỉnh giá tháng 09/2022. Ngắn hạn VN-INDEX đang phục hồi tốt như chúng tôi kỳ vọng và khi VN30 có thể vượt lên đỉnh giá tháng 03/2024 quanh vùng 1.307 điểm thì VN-INDEX cùng kỳ vọng vượt vùng giá quanh 1.282 điểm - 1.287 điểm, để hướng đến vùng giá 1.300 điểm, tương ứng vùng đỉnh giá tháng 03/2024, cũng như đỉnh giá tháng 08/2022.

VN-INDEX tiếp tục hướng đến vùng kháng cự mạnh, cũng như VN30 hướng đến vùng đỉnh giá tháng 03/2024. Thị trường vẫn đang duy trì những vị thế ngắn hạn tốt đối với các mã chưa phục hồi nhiều, phù hợp các vị thế ngắn hạn. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân theo chúng tôi khuyến nghị có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hoặc canh chốt lãi dần đối với các cổ phiếu đã đạt mục tiêu và hạn chế mua đuổi. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục, nên chờ hạn chế giải ngân thêm do mặt bằng giá hiện tại không còn quá hấp dẫn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 28/5/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| MÃ | Giá hiện tại (1.000đ) | Vùng mua dự kiến (1.000 đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Thông số cơ bản | | | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|---------------------|
| | | | | | P/E | T.trường Doanh thu | T.trường Lợi nhuận | |
| DCM | 38.5 | 33-34 | 40-42 | 32 | 16.6 | 0.3% | 51.3% | Theo dõi giải ngân |
| VEA | 45.09 | 37.5-38.6 | 46-47 | 35 | 9.5 | -11.0% | 4.5% | Theo dõi giải ngân |
| BSR | 23.06 | 19-20 | 26-28 | 18 | 8.9 | -9.9% | -29.8% | Theo dõi giải ngân |
| MIG | 21.40 | 18-18.6 | 21.5-22 | 17 | 12.8 | -9.5% | 12.2% | Theo dõi giải ngân |
| BCM | 62.70 | 59-61 | 71-73 | 55 | 26.3 | 2.6% | 29.1% | Theo dõi giải ngân |

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị thế | MÃ | Giá hiện tại (1.000đ) | Giá mua (1.000đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Hiệu quả đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|----------------|-----|-----------------------|------------------|------------------------|----------------------|---------------------|----------------------------|
| 16/4/2024 | LHG | 35.20 | 32 | 38-39 | 34 | 10.0% | Nắm giữ |
| 16/4/2024 | DPM | 36.20 | 32.2 | 40-41 | 35 | 12.4% | Nắm giữ |
| 16/4/2024 | PVP | 17.60 | 14.2 | 18-18.5 | 16.5 | 23.9% | Nắm giữ |
| 16/4/2024 | DPR | 43.50 | 36.8 | 46-47 | 41 | 18.2% | Nắm giữ |
| 24/4/2024 | KBC | 32.10 | 28.75 | 32-33 | 31 | 11.7% | Nắm giữ |
| 24/4/2024 | FPT | 137.00 | 114.2 | 145-150 | 132 | 20.0% | Nắm giữ |

TIN VĨ MÔ

World Bank đề xuất cho Việt Nam vay 11 tỷ USD, tập trung cho một số dự án lớn

Những năm gần đây, WB tài trợ cho Việt Nam khoảng 25 tỷ USD vào các dự án phát triển kinh tế xã hội. Hiện, WB đề xuất cho Việt Nam vay tiếp 11 tỷ USD trong 5 năm tới. Thủ tướng Phạm Minh Chính mong muốn khoản vay này sẽ có lãi suất ưu đãi. "thúc đẩy tăng trưởng bền vững, sức cạnh tranh của nền kinh tế". Nguồn vốn này sẽ được tập trung cho một số dự án lớn, trọng điểm như chương trình 1 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp tại ĐBSCL; dự án hạ tầng quy mô lớn, bền vững, có tác dụng lan tỏa, kết nối liên vùng, mở rộng không gian phát triển và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, như dự án đường sắt đô thị từ trung tâm Hà Nội tới Hòa Lạc, đường sắt tốc độ cao TPHCM – Cần Thơ; các dự án năng lượng sạch.

Tỷ giá trung tâm ngày 28/5 giảm mạnh

Sáng 28/5, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm giữa đồng VND với USD ở mức 24.256 đồng, giảm 12 đồng so với hôm qua. Như vậy, tỷ giá trung tâm sau chuỗi ngày tăng đã quay đầu hạ nhiệt. Với biên độ +/-5%, tỷ giá trên các ngân hàng áp dụng là 25.468 VND/USD và tỷ giá sàn là 23.043 VND/USD. Tại các NHTM, giá USD cũng quay đầu giảm. Cụ thể, tại BIDV giá USD được niêm yết ở mức 25.268 - 25.468 VND/USD, giảm 31 đồng ở cả chiều mua vào và bán ra so với hôm qua. Vietcombank niêm yết giá ở mức 25.238 - 25.468 VND/USD, giảm 13 đồng ở cả chiều mua vào và bán ra so với hôm qua (27/05).

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đề xuất giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) 2% cho tất cả hàng hóa đến cuối năm

Cuối tháng 4, Chính phủ đề xuất Quốc hội tiếp tục giảm VAT từ 10% xuống 8% trong 6 tháng cuối năm, kéo dài 6 tháng so với quyết định năm 2023. Chính sách này chỉ áp dụng với một số nhóm hàng hóa dịch vụ như các lần giảm VAT trước. Các nhóm không được giảm như: viễn thông, CNTT, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, BĐS, kim loại, khai khoáng..., hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. VCCI đánh giá chính sách giảm thuế VAT thời gian qua tác động tích cực đến nền kinh tế. Trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, việc tiếp tục chính sách từ tháng 7 đến cuối năm nay là "hết sức cần thiết". Tuy nhiên, VCCI đề xuất cơ quan soạn thảo cân nhắc phương án giảm thuế VAT cho tất cả hàng hóa, dịch vụ từ 10% xuống 8%, thay vì chỉ áp dụng với một số nhóm.

Ngân hàng Nhà nước dừng đấu thầu vàng

NHNN thông báo dừng đấu thầu vàng miếng và sẽ triển khai biện pháp bình ổn thay thế trong thời gian sớm nhất, dự kiến bắt đầu từ 3/6. Từ ngày 22/4 - 27/5, NHNN đã tổ chức 9 phiên đấu thầu bán vàng miếng nhằm tăng cung ra thị trường. Trong đó, có 6 phiên đấu thầu thành công với tổng khối lượng trúng thầu hơn 48.000 lượng. Mức chênh lệch giữa giá vàng SJC và giá thế giới có thời điểm lên tới 18 - 19 triệu đồng, thậm chí gần 20 triệu đồng/lượng. Cuối ngày 27/05, giá vàng miếng SJC ở mức 87,9-89,9 triệu đồng/lượng. Chênh lệch với giá vàng quốc tế khoảng 17 triệu đồng/lượng.

TIN DOANH NGHIỆP**Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII) mua lại hơn 7,8 triệu cổ phiếu Năm Bảy Bảy (NBB) từ công ty con**

Từ ngày 7/5 - 27/5, CII đã mua thêm 7.811.000 cổ phiếu NBB từ công ty con là CTCP Xây dựng Hạ tầng CII, nâng sở hữu từ 42,51%, lên 50,31% vốn điều lệ tại NBB. Về HĐKD, trong quý I/2024, CII ghi nhận doanh thu đạt 878,05 tỷ đồng, tăng 17,4% YoY, lợi nhuận sau thuế 322,88 tỷ đồng, tăng 826,8% YoY. Trong đó, biên lợi nhuận gộp cải thiện từ 36,9%, lên 53,7%. Trong kỳ, lợi nhuận gộp tăng 71% YoY, đạt 471,45 tỷ đồng; doanh thu tài chính tăng 145%, đạt 532,31 tỷ đồng; chi phí tài chính tăng 31,7%, lên 450,84 tỷ đồng; chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 107,2%, lên 211,07 tỷ đồng và các hoạt động khác biến động không đáng kể. Đóng cửa phiên giao dịch ngày 27/5, cổ phiếu CII tăng 50 đồng, lên 16.950 đồng/cp và cổ phiếu NBB giảm 650 đồng, về 25.050 đồng/cp.

Cổ phiếu TAR sẽ giao dịch trở lại trên UPCoM

Hơn 78 triệu cổ phiếu TAR của CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An sẽ giao dịch trở lại trên UPCoM từ ngày 31/05/2024 với giá tham chiếu 6.100 đồng/CP. Thông tin này được HNX thông báo sau quyết định huỷ niêm yết bắt buộc đối với TAR từ ngày 21/5 do bị kiểm toán từ chối cho ý kiến với BCTC riêng và hợp nhất 2023, thuộc trường hợp huỷ niêm yết bắt buộc theo quy định. Trước đó, TAR bị hạn chế giao dịch do chậm nộp BCTC bán niên 2023. Về KQKD, trong quý I/2024, TAR ghi nhận 715,4 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm hơn 20% YoY; nhưng do chi phí sản xuất ở cao hơn so với cùng kỳ năm trước, TAR báo lãi sau thuế giảm 68% về chỉ còn 2,7 tỷ đồng. Dự kiến năm 2024, Trung An đạt mục tiêu doanh thu thuần hợp nhất đạt 3.100 tỷ đồng và lãi sau thuế đạt 31 tỷ đồng.

REE thoái vốn khỏi Thủy điện Sừ Pán 2, chấm dứt 13 tháng gắn bó

Công ty TNHH Năng Lượng REE (REE Energy) đã đăng ký thoái vốn tại CTCP Thủy điện Sừ Pán 2 (SP2). Cụ thể, REE Energy cho biết từ ngày 29/5 - 7/6/2024 tới, doanh nghiệp sẽ bán toàn bộ 5,956 triệu cổ phiếu SP2 tương đương 28,71% vốn điều lệ theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh trên sàn. Hiện, cổ phiếu SP2 đang đứng ở mức giá 16.500 đồng/cp. Tạm tính theo giá này, REE Energy sẽ thu về khoảng 100 tỷ đồng, sau 13 tháng đầu tư, REE Energy nhiều khả năng sẽ không lỗ trong thương vụ này. Về KQKD, năm 2023, SP2 ghi nhận doanh thu đạt 151 tỷ đồng, giảm 23% YoY; lợi nhuận sau thuế giảm sâu hơn với 57% xuống còn 23,9 tỷ đồng, đều không hoàn thành kế hoạch. Doanh nghiệp cho biết, nguyên nhân là do ảnh hưởng El Nino gây ra khô hạn kéo dài, làm lưu lượng nước về hồ chứa thấp hơn nhiều các năm trước đó.

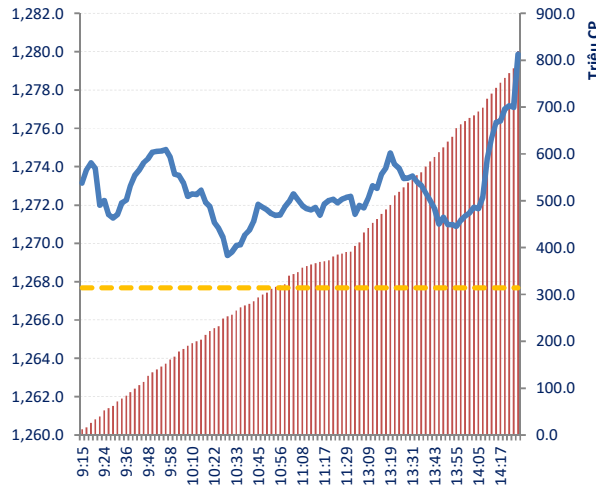
Kinh doanh sụt giảm, Phân bón Bình Điền (BFC) vẫn chia cổ tức cao nhất trong 6 năm

CTCP Phân bón Bình Điền (BFC) thông báo ngày 14/6 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức đợt 02/2023 bằng tiền mặt, tỷ lệ 20% (2.000 đ/cp). Với gần 57,2 triệu cổ phiếu đang niêm yết, BFC sẽ chi khoảng 114,4 tỷ đồng để trả cổ tức đợt này. Trước đó, giữa tháng 1/2024, Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền với tỷ lệ 5%. Qua đó, tổng mức chia cổ tức năm 2023 của BFC là 25% bằng tiền mặt. Đây là tỷ lệ chi trả cổ tức cao nhất trong 6 năm qua. Trái với việc chia cổ tức cao, KQKD 2023 của BFC không mấy khả quan. Doanh thu 2023 đi ngang, đạt gần 8.707 tỷ đồng; trong khi LNST giảm hơn 30,3%, đạt 134,8 tỷ đồng, thấp nhất kể từ năm 2020.

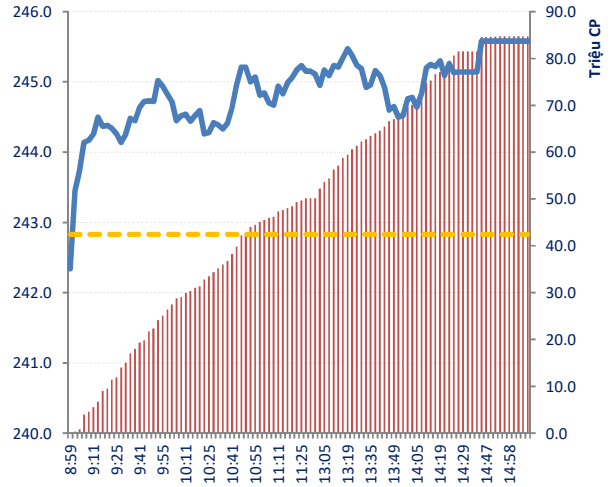


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

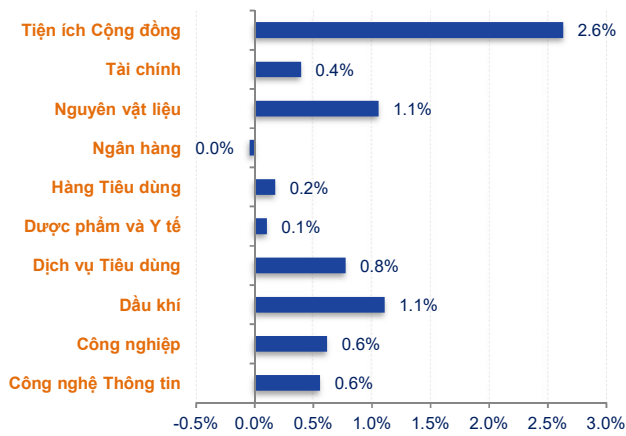
KLGD và VN-Index trong phiên



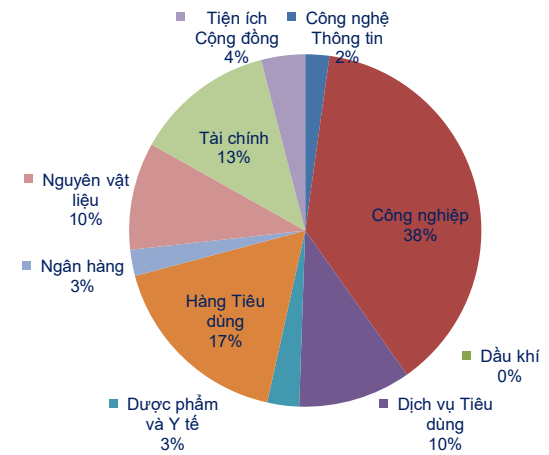
KLGD và HNX-Index trong phiên



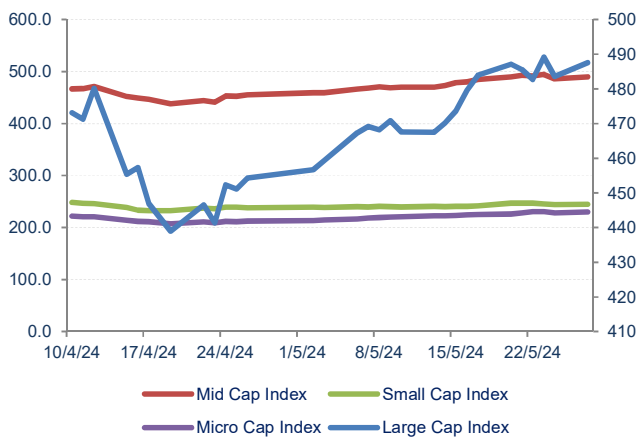
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



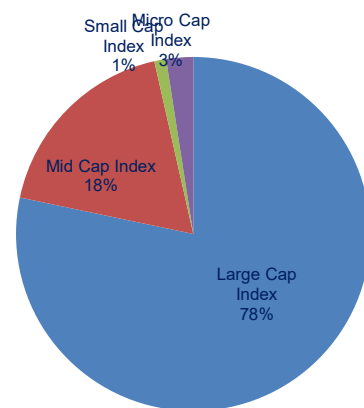
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng | TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | POW | 1,989,200 | CTG | 14,530,512 | 1 | MBS | 703,942 | IDC | 327,300 |
| 2 | LPB | 1,638,455 | HPG | 3,243,205 | 2 | AAV | 121,100 | TNG | 138,100 |
| 3 | AAA | 1,230,800 | HDB | 2,020,752 | 3 | PVS | 82,113 | DTD | 69,900 |
| 4 | FPT | 838,903 | VNM | 1,861,952 | 4 | HUT | 64,200 | PLC | 67,300 |
| 5 | STB | 816,695 | GEX | 1,813,674 | 5 | BVS | 55,900 | PVI | 66,600 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|-----|------------|----------|---------|------------|
| VIB | 22.00 | 22.30 | ↑ 1.36% | 48,235,628 | SHS | 18.50 | 18.80 | ↑ 1.62% | 11,590,066 |
| LPB | 23.45 | 25.05 | ↑ 6.82% | 44,862,600 | MBS | 32.60 | 34.20 | ↑ 4.91% | 7,603,260 |
| POW | 12.10 | 12.45 | ↑ 2.89% | 25,331,200 | HUT | 17.90 | 18.20 | ↑ 1.68% | 4,621,697 |
| CTG | 32.40 | 32.20 | ↓ -0.62% | 24,876,000 | PVS | 44.90 | 45.30 | ↑ 0.89% | 4,122,114 |
| VND | 20.25 | 20.40 | ↑ 0.74% | 24,837,900 | CEO | 18.50 | 18.80 | ↑ 1.62% | 4,002,593 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|-----|------------|----------|------|----------|
| CSM | 16.45 | 17.60 | 1.15 | ↑ 6.99% | APS | 8.00 | 8.80 | 0.80 | ↑ 10.00% |
| HVN | 25.15 | 26.90 | 1.75 | ↑ 6.96% | SHE | 10.10 | 11.10 | 1.00 | ↑ 9.90% |
| SZC | 42.45 | 45.40 | 2.95 | ↑ 6.95% | AME | 7.10 | 7.80 | 0.70 | ↑ 9.86% |
| ASP | 4.62 | 4.94 | 0.32 | ↑ 6.93% | TFC | 14.30 | 15.70 | 1.40 | ↑ 9.79% |
| HDG | 32.60 | 34.85 | 2.25 | ↑ 6.90% | HMR | 28.70 | 31.50 | 2.80 | ↑ 9.76% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|-----|------------|----------|-------|----------|
| TNC | 56.00 | 52.10 | -3.90 | ↓ -6.96% | NHC | 32.60 | 29.40 | -3.20 | ↓ -9.82% |
| LGC | 59.40 | 55.50 | -3.90 | ↓ -6.57% | BXH | 19.50 | 17.60 | -1.90 | ↓ -9.74% |
| HU1 | 6.30 | 5.91 | -0.39 | ↓ -6.19% | NAP | 10.30 | 9.30 | -1.00 | ↓ -9.71% |
| TCR | 3.89 | 3.66 | -0.23 | ↓ -5.91% | MED | 26.90 | 24.40 | -2.50 | ↓ -9.29% |
| LEC | 6.00 | 5.65 | -0.35 | ↓ -5.83% | HTC | 24.50 | 22.30 | -2.20 | ↓ -8.98% |

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| VIB | 48,235,628 | 23.0% | 3,317 | 6.6 | 1.5 |
| LPB | 44,862,600 | 21.6% | 2,914 | 8.0 | 1.6 |
| POW | 25,331,200 | 2.4% | 350 | 34.6 | 0.8 |
| CTG | 24,876,000 | 16.2% | 3,751 | 8.6 | 1.3 |
| VND | 24,837,900 | 15.6% | 2,057 | 9.8 | 1.4 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| SHS | 11,590,066 | 5.7% | 688 | 26.9 | 1.4 |
| MBS | 7,603,260 | 13.0% | 1,475 | 22.1 | 2.7 |
| HUT | 4,621,697 | 0.7% | 97 | 184.0 | 1.4 |
| PVS | 4,122,114 | 7.1% | 1,992 | 22.5 | 1.5 |
| CEO | 4,002,593 | 2.8% | 365 | 50.7 | 1.5 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| CSM | ↑ 7.0% | 5.7% | 719 | 22.9 | 1.3 |
| HVN | ↑ 7.0% | 0.0% | (642) | - | - |
| SZC | ↑ 6.9% | 13.6% | 2,234 | 19.0 | 2.6 |
| ASP | ↑ 6.9% | -1.0% | (125) | - | 0.5 |
| HDG | ↑ 6.9% | 8.8% | 2,061 | 15.8 | 1.3 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|---------|------|-----|
| APS | ↑ 10.0% | -24.3% | (2,336) | - | 0.8 |
| SHE | ↑ 9.9% | 14.1% | 1,643 | 6.1 | 0.8 |
| AME | ↑ 9.9% | 2.3% | 277 | 25.6 | 0.6 |
| TFC | ↑ 9.8% | 24.5% | 3,416 | 4.2 | 1.0 |
| HMR | ↑ 9.8% | 9.2% | 1,214 | 23.6 | 2.2 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| POW | 1,989,200 | 2.4% | 350 | 34.6 | 0.8 |
| LPB | 1,638,455 | 21.6% | 2,914 | 8.0 | 1.6 |
| AAA | 1,230,800 | 6.0% | 967 | 11.6 | 0.7 |
| FPT | 838,903 | 22.8% | 5,338 | 24.9 | 5.3 |
| STB | 816,695 | 17.7% | 4,206 | 6.8 | 1.1 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| MBS | 703,942 | 13.0% | 1,475 | 22.1 | 2.7 |
| AAV | 121,100 | -2.1% | (241) | - | 0.6 |
| PVS | 82,113 | 7.1% | 1,992 | 22.5 | 1.5 |
| HUT | 64,200 | 0.7% | 97 | 184.0 | 1.4 |
| BVS | 55,900 | 9.6% | 3,090 | 14.3 | 1.3 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 504,136 | 20.0% | 5,838 | 15.5 | 2.9 |
| BID | 278,751 | 18.1% | 3,841 | 12.7 | 2.2 |
| GAS | 186,036 | 16.4% | 4,688 | 17.3 | 2.7 |
| HPG | 184,852 | 9.2% | 1,455 | 19.9 | 1.8 |
| CTG | 173,988 | 16.2% | 3,751 | 8.6 | 1.3 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| PVS | 21,461 | 7.1% | 1,992 | 22.5 | 1.5 |
| IDC | 20,823 | 31.7% | 5,880 | 10.7 | 3.2 |
| HUT | 15,976 | 0.7% | 97 | 184.0 | 1.4 |
| SHS | 15,043 | 5.7% | 688 | 26.9 | 1.4 |
| MBS | 14,267 | 13.0% | 1,475 | 22.1 | 2.7 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|---------|------|-----|
| PSH | 2.43 | -9.6% | (1,295) | - | 0.6 |
| TCD | 2.41 | 1.7% | 213 | 31.3 | 0.5 |
| EVF | 2.40 | 5.8% | 708 | 23.0 | 1.3 |
| CIG | 2.31 | 2.7% | 138 | 36.0 | 1.0 |
| GEX | 2.26 | 2.5% | 625 | 38.3 | 1.0 |

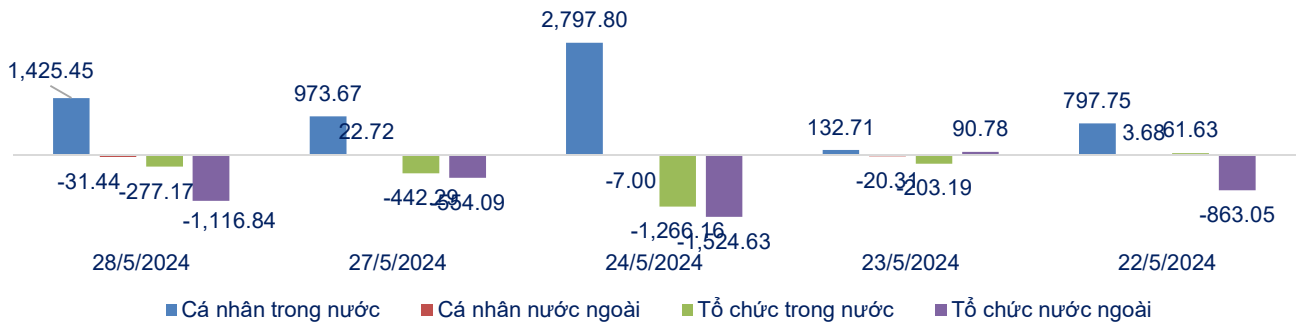
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|------|-----|
| IDJ | 2.88 | 5.0% | 584 | 12.5 | 0.6 |
| PHN | 2.86 | 39.6% | 8,294 | 9.1 | 3.3 |
| API | 2.84 | -6.9% | (772) | - | 0.9 |
| VC2 | 2.64 | 2.0% | 273 | 34.5 | 0.7 |
| DDG | 2.63 | -29.5% | (3,011) | - | 0.5 |



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| CTG | 497.00 | 16.2% | 3,751 | 8.6 | 1.3 |
| HPG | 109.93 | 9.2% | 1,455 | 19.9 | 1.8 |
| VNM | 106.65 | 26.0% | 4,410 | 15.0 | 3.9 |
| SSI | 101.83 | 11.1% | 1,703 | 20.6 | 2.2 |
| HDB | 85.35 | 24.7% | 3,831 | 6.2 | 1.4 |

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| LIX | -125.36 | 22.3% | 5,857 | 12.2 | 2.6 |
| GEX | -79.73 | 2.5% | 625 | 38.3 | 1.0 |
| POW | -71.25 | 2.4% | 350 | 34.6 | 0.8 |
| LPB | -48.53 | 21.6% | 2,914 | 8.0 | 1.6 |
| CTD | -31.14 | 3.2% | 2,728 | 26.1 | 0.8 |

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| FPT | 35.42 | 22.8% | 5,338 | 24.9 | 5.3 |
| MBB | 10.09 | 21.5% | 3,863 | 5.8 | 1.2 |
| STB | 6.69 | 17.7% | 4,206 | 6.8 | 1.1 |
| VNM | 3.49 | 26.0% | 4,410 | 15.0 | 3.9 |
| VRE | 2.71 | 12.0% | 1,966 | 11.3 | 1.3 |

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| MSB | -70.35 | 14.9% | 2,310 | 6.2 | 0.9 |
| TCB | -9.36 | 15.2% | 5,606 | 8.3 | 1.2 |
| MSN | -8.15 | 0.8% | 215 | 342.6 | 2.3 |
| HVN | -6.57 | 0.0% | (642) | - | - |
| TV2 | -5.65 | 4.2% | 828 | 54.2 | 2.3 |

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|---------|-------|-------|------|-----|
| LIX | 125.40 | 22.3% | 5,857 | 12.2 | 2.6 |
| GEX | 123.14 | 2.5% | 625 | 38.3 | 1.0 |
| POW | 46.56 | 2.4% | 350 | 34.6 | 0.8 |
| FUEVFVND | 34.47 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| DBC | 31.74 | 8.9% | 1,729 | 20.2 | 1.8 |

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| FPT | -89.95 | 22.8% | 5,338 | 24.9 | 5.3 |
| VCB | -67.66 | 20.0% | 5,838 | 15.5 | 2.9 |
| SSI | -65.29 | 11.1% | 1,703 | 20.6 | 2.2 |
| MSB | -51.73 | 14.9% | 2,310 | 6.2 | 0.9 |
| VCI | -51.38 | 8.2% | 1,411 | 33.7 | 2.5 |

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| FPT | 77.10 | 22.8% | 5,338 | 24.9 | 5.3 |
| MSB | 70.05 | 14.9% | 2,310 | 6.2 | 0.9 |
| LPB | 40.04 | 21.6% | 2,914 | 8.0 | 1.6 |
| POW | 24.63 | 2.4% | 350 | 34.6 | 0.8 |
| SZC | 20.83 | 13.6% | 2,234 | 19.0 | 2.6 |

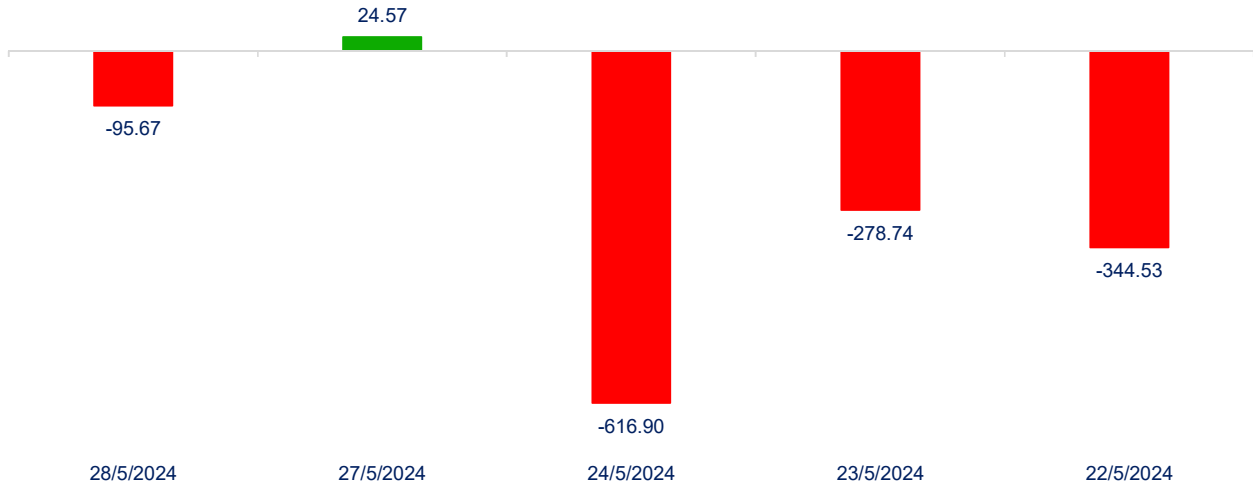
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| CTG | -465.15 | 16.2% | 3,751 | 8.6 | 1.3 |
| VNM | -127.36 | 26.0% | 4,410 | 15.0 | 3.9 |
| HPG | -96.10 | 9.2% | 1,455 | 19.9 | 1.8 |
| VIC | -53.09 | 6.1% | 2,307 | 19.5 | 1.1 |
| MSN | -50.39 | 0.8% | 215 | 342.6 | 2.3 |

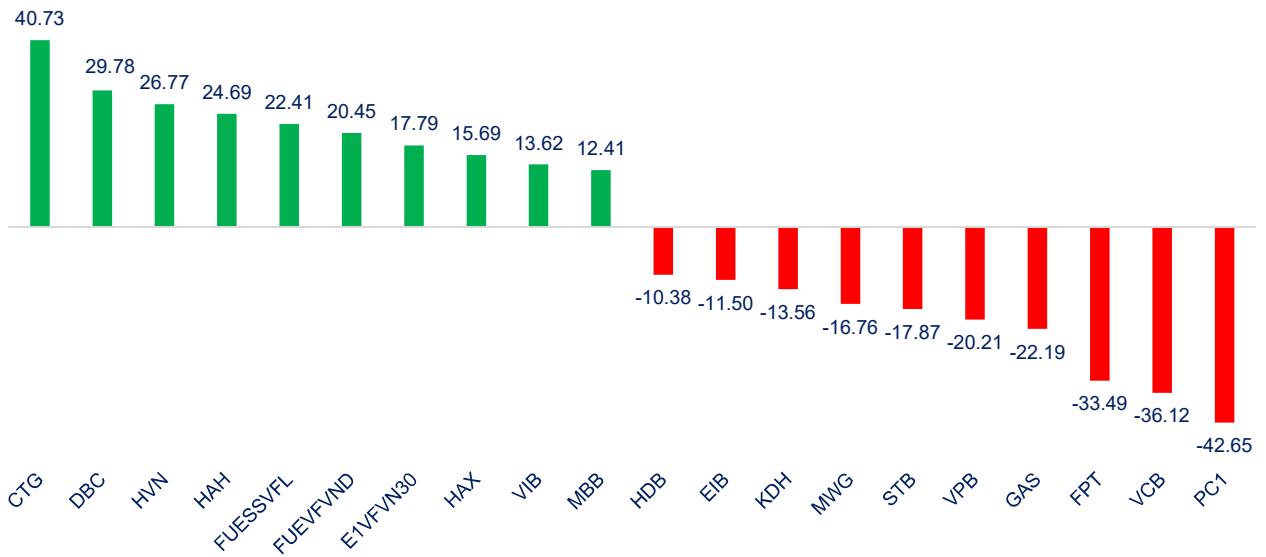


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
